VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH [1]
Về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam

Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày 23 tháng 8 năm 1993;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Quyết định sau:

- Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013;

- Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Quyết định nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính[2];

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam,

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

---

[2] Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày 23 tháng 8 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam."

2. Xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy (dưới đây gọi tắt là xe gắn máy) phục vụ nhu cầu công tác, sinh hoạt của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và thành viên các cơ quan này được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập theo quy định tại Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 73/CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ;

2. Viên chức ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, viên chức lãnh sự thuộc cơ quan lãnh sự, viên chức thuộc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

3. Nhân viên hành chính kỹ thuật thuộc cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ trên nguyên tắc có đi có lại giữa nhà nước Việt Nam và nước cử; nhân viên thuộc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

4. Tổ chức, cá nhân mua xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này (dưới đây gọi tắt là người mua xe).

5. Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 10 Quyết định này.

Điều 3. Chủng loại, định lượng đối với xe ô tô, xe gắn máy được tạm nhập khẩu miễn thuế

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy đúng chủng loại, định lượng quy định tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Khi có nhu cầu hợp lý, đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được Bộ Ngoại giao xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy vượt định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều kiện tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy[3]

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng xe ô tô, xe gắn máy theo chủng loại, định lượng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sau khi được Bộ Ngoại giao cấp tiêu chuẩn tạm nhập khẩu tại sổ định mức hàng miễn thuế theo quy định.

2. Đối tượng nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng xe ô tô, xe gắn máy theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, nếu thỏa mãn các Điều kiện sau đây:

a) Được Bộ Ngoại giao cấp tiêu chuẩn tạm nhập khẩu tại sổ định mức hàng miễn thuế theo quy định. Đối với trường hợp người kế nhiệm đề nghị tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy, Bộ Ngoại giao chỉ cấp tiêu chuẩn tạm nhập khẩu tại sổ định mức hàng miễn thuế khi người tiền nhiệm đã hoàn thành thủ tục tái xuất hoặc tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy, hoặc chuyển nhượng xe ô tô theo quy định, trên cơ sở thông báo của cơ quan Hải quan.

b) Có thời gian công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tối thiểu từ 18 tháng trở lên kể từ ngày đối tượng được Bộ Ngoại giao cấp chứng minh thư, còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 12 tháng trở lên, thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp (đối với đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

c) Có thời gian công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tối thiểu từ 12 tháng trở lên kể từ ngày đối tượng được Bộ Ngoại giao cấp chứng minh thư, còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 09 tháng trở lên, thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp (đối với đối tượng nêu tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định này).

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

3. Trường hợp đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này tạm nhập khẩu từ nước ngoài hoặc mua lại xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ khác, khi thực hiện thủ tục cấp giấy tạm nhập khẩu xe, chủ xe nộp chứng từ chứng minh quyền sở hữu xe như: Chứng từ thanh toán tiền mua xe qua ngân hàng (đối với trường hợp tạm nhập khẩu từ nước ngoài) hoặc giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy hủy đăng ký lưu hành xe (đối với trường hợp tạm nhập khẩu dưới dạng tài sản di chuyển) cho cơ quan hải quan.

4. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy để bổ sung đủ định lượng trong các trường hợp sau:

a) Đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy.

b) Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy đối với xe ô tô, xe gắn máy bị tai nạn, thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan về kỹ thuật không tiếp tục sử dụng được và còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 09 tháng trở lên kể từ ngày hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy xe (thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp).

5. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này nếu tạm nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng gồm: Xe tạm nhập khẩu từ nước ngoài và xe tạm nhập khẩu dưới dạng tài sản di chuyển, phải tuân thủ quy định về nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan.

6. Không được tạm nhập khẩu xe gắn máy đã qua sử dụng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này

1. Quyền của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

a) Được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy theo đúng chủng loại, định lượng quy định và tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy theo quy định.

b) Được cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế; được làm thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy; được cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe ô tô, xe gắn máy; được làm thủ tục đăng kiểm xe ô tô.

2. Nghĩa vụ của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

a) Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này có nghĩa vụ sử dụng xe ô tô, xe gắn máy đúng mục đích và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam; không được ủy quyền sử dụng xe mang biển số ngoại giao, nước ngoài cho các đối tượng không được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; việc hợp đồng thuê lái xe người Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ Ngoại giao.

b) Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chương 2.
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Thủ tục cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy; thủ tục tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy; thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe; thủ tục đăng kiểm xe ô tô; thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; thủ tục tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy

1. Việc tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy thực hiện theo trình tự sau:

a) Cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế và chứng minh thư cho đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thực hiện tạm nhập khẩu cùng thời điểm với thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số xe ô tô, xe gắn máy cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

d) Đăng kiểm xe và cấp sổ đăng kiểm xe cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

2. Việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy thực hiện theo trình tự sau:

a) Xác nhận việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thu hồi biển số xe, giấy chứng nhận đăng ký xe của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này;

c) Thực hiện tái xuất khẩu, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này;

d) Thực hiện tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

3. Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật, thông lệ quốc tế và trên nguyên tắc có đi có lại giữa Nhà nước Việt Nam và các nước:

a) Bộ Ngoại giao hướng dẫn cụ thể thủ tục cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế và chứng minh thư cho đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam và xác nhận việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này; quy định thời hạn tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu phù hợp với nhiệm kỳ công tác của đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Bộ Công an hướng dẫn cụ thể thủ tục cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này; trên giấy chứng nhận đăng ký xe khi cấp có quy định thời hạn giá trị sử dụng của đăng ký xe phù hợp với nhiệm kỳ công tác của các đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

d) Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể thủ tục kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; thủ tục đăng kiểm xe và cấp sổ đăng kiểm xe cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể thủ tục tiêu hủy xe.

Điều 7. Điều kiện tái xuất khẩu xe ô tô, xe gắn máy

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này không có nhu cầu sử dụng xe ô tô, xe gắn máy đang sử dụng và có nhu cầu tái xuất khẩu xe.

2. Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

3. Xe ô tô, xe gắn máy bị tai nạn, thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan về kỹ thuật không tiếp tục sử dụng được và đối tượng không thực hiện tiêu hủy.

Điều 8. Điều kiện tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này không có nhu cầu sử dụng xe ô tô, xe gắn máy đang sử dụng và có nhu cầu tiêu hủy xe.

2. Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

3. Xe ô tô, xe gắn máy bị tai nạn, thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan về kỹ thuật không tiếp tục sử dụng được và đối tượng không thực hiện tái xuất.

Điều 9. Điều kiện chuyển nhượng xe ô tô [4]

1. Điều kiện về thời gian đã sử dụng xe ô tô, xe gắn máy:

a) Đối với đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này:

Đã sử dụng xe ít nhất từ 24 (hai mươi bốn) tháng trở lên.

b) Đối với đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

- Đã sử dụng xe ít nhất từ 12 (mười hai) tháng trở lên;

- Hoặc đối tượng kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam hoặc nhận nhiệm vụ công tác đột xuất trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

Thời gian đã sử dụng xe ô tô, xe gắn máy tại Việt Nam được tính từ thời điểm Bộ Công an cấp giấy chứng nhận đăng ký xe.

2.[5] *Tại thời điểm chuyển nhượng, nếu năm sản xuất của xe quá 5 năm thì đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được chuyển nhượng xe cho*

---

[4] Tên của Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ khác tại Việt Nam hoặc các đối tượng khác tại Việt Nam với Điều kiện xe được cơ quan đăng kiểm xác nhận còn đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để lưu hành."

3. Khi đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này thực hiện chuyển nhượng xe, cơ quan nơi đối tượng công tác có công hàm gửi Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước) cam kết đối tượng không tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy để thay thế xe sẽ chuyển nhượng trong thời gian công tác còn lại tại Việt Nam.

4.[6] *Chính sách thuế đối với xe ô tô chuyển nhượng tại Việt Nam:*

a) Thực hiện theo quy định về thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

b) Thời điểm chuyển nhượng xe đối với đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này là thời điểm thay đổi Mục đích sử dụng xe được thể hiện trên các giấy tờ giao dịch giữa người mua xe và chủ xe.

c) Thời điểm chuyển nhượng xe đối với đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này là thời điểm thay đổi Mục đích sử dụng xe được thể hiện trên các giấy tờ giao dịch giữa người mua xe và chủ xe phù hợp với thời điểm chủ xe kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

d) Người mua xe của các đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm kê khai, nộp các loại thuế, lệ phí theo quy định.

đ) Đối với xe gắn máy: Không được chuyển nhượng tại Việt Nam.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan

1. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao:

a) Phổ biến Quyết định này cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

ưu đãi, miễn trừ và những người làm việc tại các cơ quan này được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải xây dựng mẫu sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế; xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, cổng thông tin điện tử để quản lý theo dõi xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, giải quyết việc cho phép đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy vượt định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

d) Căn cứ thời gian công tác tại Việt Nam của đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này (thời gian công tác ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp), Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ (nơi đối tượng công tác) để thông báo cho đối tượng thực hiện tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

đ) Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật để hướng dẫn và quản lý đối với người Việt Nam ký hợp đồng lái xe với đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn thủ tục hải quan đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, chuyển nhượng và chính sách thuế đối với xe ô tô, xe gắn máy chuyển nhượng tại Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải xây dựng mẫu sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu.

c) Phối hợp với Bộ Ngoại giao xem xét, giải quyết việc cho phép đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy vượt định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

d) Thực hiện các nội dung liên quan tại Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Bộ Công Thương:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, chuyển nhượng và chính sách thuế đối với xe ô tô, xe gắn máy chuyển nhượng tại Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải xây dựng mẫu sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu.

c) Thực hiện các nội dung liên quan tại Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Bộ Công an:

a) Hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này và người mua xe.

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải xây dựng mẫu sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu.

c) Thực hiện các nội dung liên quan tại Quyết định này.

5. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:

a) Hướng dẫn việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu và kiểm định đối với xe ô tô của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này và người mua xe.

b) Không cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, môi trường đối với xe ô tô của đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này nếu đối tượng đã kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam nhưng chưa làm thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe (căn cứ thời hạn ghi trên giấy chứng nhận đăng ký xe do Bộ Công an cấp để xác định).

c) Trường hợp không cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, môi trường đối với xe ô tô cho đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để phối hợp, xử lý theo chức năng quy định của các cơ quan.

d) Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Công Thương xây dựng mẫu sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu.

đ) Thực hiện các nội dung liên quan tại Quyết định này.

6. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc tiêu hủy xe theo quy định đối với xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thực hiện các nội dung liên quan tại Quyết định này.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này, nếu đối tượng tự ý thay đổi mục đích sử dụng xe ô tô, xe gắn máy nhưng không làm thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe mà vẫn lưu hành xe tại Việt Nam thì thông báo kịp thời trường hợp vi phạm, tạm giữ phương tiện theo quy định và chuyển giao hồ sơ, phương tiện cho cơ quan công an có thẩm quyền và đối tượng bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương 3
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành[7]

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

2. Bãi bỏ nội dung quy định liên quan đến việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe gắn máy phục vụ nhu cầu công tác, sinh hoạt của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và những người làm việc tại các cơ quan này được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam tại Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BCT-BTC-BNG ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao và các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này.

---

[7] Điều 2 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế."

Điều 13. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.[8]

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 17/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

---

[8] Điều 3 Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

"Điều 3. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."

PHỤ LỤC I

CHỦNG LOẠI VÀ ĐỊNH LƯỢNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY PHỤC VỤ NHU CẦU CÔNG TÁC, SINH HOẠT CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CÓ TRỤ SỞ TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013)

Số TT	Tên hàng	Cơ quan 5 người trở xuống	Thêm 3 người	Ghi chú
1	Xe ô tô	03 chiếc	01 chiếc	Tay lái thuận
2	Xe hai bánh gắn máy	02 chiếc	01 chiếc	

PHỤ LỤC II

CHỦNG LOẠI VÀ ĐỊNH LƯỢNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY PHỤC VỤ NHU CẦU CÔNG TÁC SINH HOẠT CỦA VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO THUỘC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, VIÊN CHỨC LÃNH SỰ THUỘC CƠ QUAN LÃNH SỰ, VIÊN CHỨC THUỘC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CÓ TRỤ SỞ TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013)

Số TT	Tên hàng	Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao	Người đứng đầu cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế	Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và viên chức thuộc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế	Ghi chú
1	Xe ô tô	02 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	Tay lái thuận
2	Xe hai bánh gắn máy	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	

PHỤ LỤC III

CHỦNG LOẠI VÀ ĐỊNH LƯỢNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY PHỤC VỤ NHU CẦU CÔNG TÁC, SINH HOẠT CỦA NHÂN VIÊN HÀNH CHÍNH KỸ THUẬT CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CÓ TRỤ SỞ TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2013)

Số TT	Tên hàng	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ô tô	01 chiếc	Tay lái thuận
2	Xe hai bánh gắn máy	01 chiếc	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng